

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **50** /2018/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **28** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG VĂN HIỆN
Số 329
ngày 15/01/2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 317/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2019 áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2019 được áp dụng cho tất cả các loại đất tại Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014; là căn cứ để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; điểm c, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và khoản 1, Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.


Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, CN-XDCB, KT, NCKSTT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ủy Thái Hải

QUY ĐỊNH

Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số **50** /2018/QĐ-UBND ngày **28** tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Điều 1. Hệ số điều chỉnh giá đất đối với nhóm đất nông nghiệp (bao gồm: Đất chuyên trồng lúa nước LUC, đất trồng lúa nước còn lại LUK, đất trồng lúa nương LUN, đất bằng trồng cây hàng năm khác BHK, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác NHK, đất trồng cây lâu năm CLN, đất rừng sản xuất RSX, đất nuôi trồng thủy sản NTS): K=1.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất đối với nhóm đất phi nông nghiệp (bao gồm: Đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - tại đô thị):

1. Thành phố Bắc Kạn:

a) Đất ở tại đô thị (ODT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	PHƯỜNG ĐỨC XUÂN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư chợ Bắc Kạn đến ngã tư đường Hùng Vương	1,10
2	Từ ngã tư đường Hùng Vương đến cầu Bắc Kạn	1,10
3	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu thư viện tỉnh	1,10
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với đường Nguyễn Văn Thoát	1,30
III	Đường Hùng Vương	1,20
IV	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
V	Đường Kon Tum	
1	Đoạn từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	1,00
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với đường Hùng Vương	1,00
3	Đoạn từ giao với đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	1,00
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu cầu Huyền Tụng	1,00
5	Đoạn từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận phường Đức Xuân (về phía Nam)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tổ 1A	1,00
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Thành Công là 20m đến Ngâm Bắc Kạn	1,00
2.2	Từ Ngâm Bắc Kạn đến Ngã ba Vịnh Ông Kiên (Cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	1,00
3	Tuyến đường Bản Áng (đường vào Tổ 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất nhà ông Hoàng Ngọc Hải	1,00
3.2	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Ngọc Hải đến hết đất nhà ông Nguyễn Quang	1,00
3.3	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Quang đến ngã ba bãi rác (cũ)	1,00
4	Tuyến đường lên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (cũ): Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ) là 20m đến cổng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (cũ)	1,00
5	Tuyến đường cầu Thư viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thư viện tỉnh đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lương	1,00
5.2	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của đường Trần Hưng Đạo	1,00
5.3	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (cũ), (ngõ nhà nghỉ Cường Hiền)	1,00
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới đường Thành Công là 20m đến cách lộ giới đường Trường Chinh 20m	1,00
7	Ngõ 9 đường Trường Chinh (Đường N5): Từ cách lộ giới của đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	1,00
8	Đường song song với đường Trường Chinh	1,00
9	Các tuyến Dân cư tổ 1B, 2, 3	1,00
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan Tỉnh (tập thể Xưởng trúc cũ)	1,00
11	Tuyến đường Hầm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hầm thông tin (cách lộ giới đường Trường Chinh là 20m)	1,00
12	Các tuyến đường trong khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11,5m	1,00
12.2	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13,5m	1,00
12.3	Ngõ 59 đường Trường Chinh (Trục đường N3) từ hết đất nhà ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	1,00
12.4	Đường 11,5m bao quanh chợ Đức Xuân	1,00
13	Các tuyến đường trong khu dân cư Đức Xuân II	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	1,20
13.2	Các trục đường nội bộ còn lại	1,20
14	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	1,00
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	1,20
16	Khu đô thị phía Nam thuộc địa phận phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,10
16.2	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	1,20
16.3	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	1,00
17	Khu dân cư Tổ 6 (Dược Phẩm cũ)	1,00
18	Đường nội bộ khu dân cư đối diện bến xe	1,00
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà văn hoá Tổ 7A	1,00
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tổ 11B, Tổ 12	1,00
20.2	Tổ 4, Tổ 9A, Tổ 11C	1,00
20.3	Tổ 8A, Tổ 10A	1,00
20.4	Tổ 7A, Tổ 5, Tổ 6	1,00
20.5	Khu dân cư tổ 1A (đường vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	1,00
20.6	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư chợ Bắc Kạn đến hết đất Trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở TNMT)	1,00
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở TNMT) đến hết đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	1,00
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài truyền hình	1,02
2	Từ hết đất đường lên Đài truyền hình đến hết đất Công ty TNHH MTVQL&SC đường bộ 244	1,00
3	Từ hết đất Công ty TNHH MTVQL&SC đường bộ 244 đến ngã ba đường Nguyễn Văn Tố	1,00
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba đường Nguyễn Văn Tố đến khe Ngoại vụ	1,00
2	Từ khe Ngoại vụ đến hết đất phường Phùng Chí Kiên	1,00
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	1,30

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận phường Đức Xuân	1,00
VI	Đường nội bộ khu dân cư 244 (Khu A + khu B)	1,00
VII	Khu đô thị phía Nam và khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	1,10
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	1,10
3	Các trục đường nội bộ khu đô thị phía Nam có lộ giới 11,5m	1,20
4	Các trục đường nội bộ khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	1,20
5	Các trục đường nội bộ khu đô thị phía Nam có lộ giới 16,5m	1,20
6	Các vị trí còn lại chưa thu hồi tại khu đô thị phía Nam (Trừ vị trí lô 1 các tuyến đường bao quanh)	1,00
VIII	Đường Cứu Quốc	
1	Từ ngã tư chợ Bắc Kạn đến hết quán Dũng Phượng	1,00
2	Từ hết đất quán Dũng Phượng đến hết đất nhà bà Trần Thị Lụa	1,00
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	
1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Đức Ngọc	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đức Ngọc đến hết đất phường Phùng Chí Kiên	1,25
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất nhà bà Ngô Thị Thuận	1,00
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh uỷ - UBND tỉnh	1,00
3	Đường vào Khe Ngoại vụ	
3.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trường	1,00
3.2	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Nam	1,00
3.3	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Trường đến hết đất nhà ông Trần Quốc Đào	1,00
3.4	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất nhà ông Lê Như Vương và ông Đỗ Đức Hoạt	1,00
4	Đường nhánh Tổ 4: Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên giáp {đường Thành Công cũ (QL3)} 20m đến hết đất khe Bà Nhị	1,00
5	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất nhà bà Hà Thị Thái	1,00
6	Đường nhánh Tổ 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Việt Dũng	
6.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
6.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	1,00
7	Đường nhánh Tổ 7	
7.1	Từ cách lộ giới đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất nhà ông Tô Ngọc Sơn	1,00
7.2	Từ hết đất nhà ông Tô Ngọc Sơn đến hết khe Thiên Thần	1,00
7.3	Từ cách đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất nhà bà Phạm Thị Luyến	1,00
7.4	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Luyến đến đất nhà ông Nguyễn Đức Tùng	1,00
7.5	Từ cách đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất nhà bà Hà Thị Yến	1,00
8	Đường nhánh Tổ 8	
8.1	Cách lộ giới đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất nhà ông Vũ Đồng Giao (Sau trường dân lập Hùng Vương)	1,00
8.2	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tài	1,00
8.3	Từ hết đất nhà Nguyễn Văn Tài đến hết đất nhà ông Ngô Văn Quân	1,00
8.4	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất nhà ông Tuấn Tiền	1,00
8.5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Vũ Thị Nguyệt	1,00
9	Đường nhánh Tổ 9	
9.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lan (Phía sau Chi cục thú y)	1,00
9.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất quán gà Minh Hoạch	1,00
9.3	Từ cách lộ giới đường Phùng Chí Kiên là 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Huy Hồng	1,00
9.4	Từ đất nhà ông Nguyễn Huy Hồng đến đất nhà ông Đặng Đình Đoàn	1,00
9.5	Từ đất nhà ông Nguyễn Huy Hồng đến đất nhà ông Vũ Trọng Miên	1,00
9.6	Từ cách lộ giới đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất nhà ông Mai Đồng Khanh	1,00
9.7	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố là 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất phường Phùng Chí Kiên	1,00
9.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất nhà ông Nguyễn Hữu Trúc	1,00
9.9	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố là 20m (đường vào phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	1,00
10	Đường nhánh Tổ 10	
10.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà bà Lê Thị Nhí (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	1,00
10.2	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Cường	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
10.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà bà Hay	1,00
10.4	Từ hết đất nhà bà Hay đến hết đất nhà ông Trịnh Văn Thắng	1,00
10.5	Từ hết đất nhà ông Trịnh Văn Thắng đến Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh	1,00
10.6	Từ hết đất nhà ông Phạm Văn Phúc đến hết nhà bà Bùi Thị Thắm	1,00
10.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà bà Bùi Thị Thắm	1,00
10.8	Từ hết đất nhà ông Trần Anh Sơn đến Trạm phát sóng viễn thông Bắc Kạn	1,00
11	Đường nhánh Tổ 12	
11.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Bản	1,00
11.2	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Sánh	1,00
11.3	Từ nhà ông Nguyễn Văn Sánh đến hết nhà ông Bé Ngọc Phúc	1,00
11.4	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Nguyễn Thị Đường	1,00
11.5	Từ nhà ông Trần Thanh Bình đến hết nhà ông Phan Anh Hiệp	1,00
11.6	Từ nhà ông Nông Văn Huân đến hết nhà bà Nguyễn Thị Hương	1,00
11.7	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất nhà ông Phạm Văn Điệt	1,00
11.8	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Yến đến hết nhà bà Vũ Thị Kim Oanh	1,00
11.9	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thành	1,00
12	Đường nhánh tổ 2	
12.1	Từ hết đất nhà bà Trương Thị Thục đến chân kè Lâm Viên	1,00
12.2	Đường nhánh Bưu điện đến hết đất nhà ông Nguyễn Đắc Cản	1,00
12.3	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đắc Cản đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	1,00
13	Các khu vực còn lại	1,30
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
I	Trục đường chính	
1	Từ Cầu sắt Bắc Kạn đến ngã 3 Lương thực (cũ)	1,10
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba lương thực (cũ) đến cầu Bắc Kạn	1,10
2.2	Từ ngã ba lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	1,10
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường chiến thắng Phủ Thông	1,00
3	Đường Chiến Thắng Phủ Thông	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phủ Thông đến công phụ Bệnh viện 500 giường	1,00
3.2	Từ công phụ Bệnh viện 500 giường đến hết đất địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tung đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư bệnh viện 500 giường lô 1	1,20
2	Khu dân cư bệnh viện 500 giường lô 2	1,00
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tổ 11 đến hết đất phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
5	Đoạn cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất nhà ông Lâm Quang Oanh (tổ 7)	1,00
6	Tiếp đất nhà ông Lâm Quang Oanh đến giáp UBND phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
7	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến UBND phường + Khu dân cư tổ 9	1,00
8	Đường vào Trạm y tế Minh Khai cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tổ 17	1,00
9	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sơn Bay Tổ 17 có lộ giới 11,5m	1,00
10	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sơn Bay Tổ 17 có lộ giới 6,0m	1,00
11	Các vị trí còn lại của Tổ 4; Tổ 5	1,00
12	Bưu điện Minh Khai đi Nà Pèn	
12.1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất nhà ông Hà Văn Đức	1,00
12.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
13	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Hùng	1,00
14	Từ hết đất nhà ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17, phường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
15	Các vị trí còn lại của Tổ 15, 16, 17	1,00
16	Từ Công an Thị xã (cũ) đến giáp đất nhà ông Đặng Văn Toàn, Tổ 15	1,00
17	Đường trong khu dân cư Nà Cốc	1,00
18	Khu vực Tổ 2 cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất nhà ông Ngôn Văn Giai	1,00
19	Đường rẽ vào Tầng thiết giáp Tổ 14 (cách đường Chiến Thắng Phủ Thông là 20m)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
20	Từ đất nhà bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngã Bắc Kạn	1,00
21	Các vị trí còn lại của Tổ 7, 8, 9	1,00
22	Đoạn đường Tổ 6 cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất nhà ông Nông Ngọc Tân	1,00
23	Khu vực còn lại Tổ 6	1,00
24	Các vị trí còn lại của Tổ: 11; 12; 13; 14	1,00
25	Các khu vực còn lại	1,00
PHƯỜNG SÔNG CẦU		
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư đường Hùng Vương	1,10
2	Ngã tư đường Hùng Vương đến cầu Bắc Kạn	1,10
II	Đường Hùng Vương	1,20
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã ba đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	1,00
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	1,00
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp đường Bàn Văn Hoan	1,00
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới đường Thành Công là 20m đến giáp Suối Nông Thượng	1,00
2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất tỉnh Đoàn	1,00
3	Từ tiếp đất tỉnh Đoàn đến hết đường Thanh Niên	1,00
V	Đường Cứu Quốc (Bắc Kạn đi Chợ Đồn)	
1	Đoạn từ ngã tư chợ Bắc Kạn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Thái	1,00
2	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Thái đến giáp đất nhà bà Đinh Thị Loan	1,00
3	Từ đất nhà bà Đinh Thị Loan đến cầu Đen	1,11
4	Từ cầu Đen đến hết đất cây xăng Thương nghiệp	1,67
5	Từ hết đất cây xăng Thương nghiệp đến hết đất nhà bà Đỗ Thị Thanh	1,50
6	Từ giáp đất nhà bà Đỗ Thị Thanh đến đất nhà ông Nguyễn Hồng Thái	1,20
7	Từ đất nhà ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất nhà ông Vũ Đức Cảnh	1,33
8	Từ đất nhà ông Vũ Đức Cảnh đến hết đất nhà ông Vũ Văn Vinh	1,00
9	Từ giáp đất nhà ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	1,00
VI	Đường Nguyễn Văn Tố	
	Đoạn từ cách lộ giới đường Cứu Quốc 20m đến giáp đất Nông Thượng	1,25
VII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ đường Cứu Quốc đến cuối đường Thanh Niên	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
1.1	Từ ngã ba đường Cứu Quốc đến trường THCS Bắc Kạn	1,00
1.2	Từ giáp trường THCS Bắc Kạn đến cuối đường Thanh Niên	1,00
2	Đường vào trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh Niên đến cầu Dương Quang	1,00
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất nhà ông Nguyễn Duy Khánh	1,00
2.3	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	1,00
3	Từ ngã tư đường Cứu Quốc đến đầu cầu Dương Quang (đường Bàn Văn Hoan)	1,00
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	1,00
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ cổng sau chợ Bắc Kạn đến cầu Đội Kỳ	1,00
5.2	Từ cầu Đội Kỳ đến gặp đường Đội Kỳ	1,00
6	Đường từ ngã ba giao đường Hùng Vương với đường Đội Kỳ ra đường Thanh Niên	1,00
7	Từ giáp đất tỉnh Đoàn đến đất nhà bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 đường Đội Kỳ	1,00
8	Đường vào nhà ông Phùng Thế Cập (Đoạn cách lộ giới đường Cứu Quốc là 20m đến ao trường Nội trú)	1,00
9	Đường vào trường Nội trú: Tính từ giáp đất nhà ông Hoàng Văn Trung đến hết đất nhà bà Hà Thị Nha	1,00
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu trại giam cũ đến điểm gặp đường Nguyễn Văn Tố)	1,00
11	Đoạn từ cổng sau chợ Bắc Kạn, từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất nhà ông Tống Văn Tính	1,00
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yến đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	1,00
13	Đoạn từ nhà bà Sầm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	1,00
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết nhà văn hóa tổ 2	1,00
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	1,00
16	Từ hết đất nhà ông Đào Xuân Lệ đến đất nhà bà Nguyễn Thị Đào	1,00
VIII	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5, Tổ 6, Tổ 7, Tổ 8, Tổ 9	1,00
2	Khu vực còn lại của Tổ 12	1,00
3	Khu vực còn lại của Tổ 11A, 11B, 11C, Tổ 13, Tổ 14, Tổ 15, Tổ 16, Tổ 17	1,00
4	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên (Tổ 10, 18, 19)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	
1	Cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Điều	1,00
2	Từ hết cầu Nà Điều đến cầu Cốc Muồng	1,00
3	Từ hết cầu Cốc Muồng đến cầu Nà Vịt	1,00
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Rận	1,00
5	Từ giáp đất nhà ông Rận đến giáp đất Thanh Vận	1,00
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất nhà ông Lộc Văn Lực đến hết đất nhà ông Nông Văn Lự	1,00
2	Từ giáp đất nhà ông Nông Văn Lự đến cầu Pác Cốp (Thôn Khuổi Cuồng)	1,00
3	Từ cầu Pác Cốp đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 100m	1,00
4	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) là 100m đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	1,00
III	Đường Thái Nguyên (QL3) Đoạn từ giáp đất phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	1,00
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	1,25
V	Các trục đường nhánh	
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Song	1,00
2	Đường vào kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m kho K97	1,00
2.2	Từ sau 100m đường vào kho K97	1,00
3	Đường vào thôn Thôm Luông	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Mai Văn Yên vào thôn Nà Chuông	1,00
5	Từ giáp đất nhà ông Phụng Tài Long đến giáp đất thôn Khuổi Chang	1,00
6	Từ giáp Trường trung cấp nghề đến hết đất nhà ông Hà Đức Sơn thôn Nà Bản	1,00
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bản	1,00
8	Đường vào khu Khuổi Mài đến nhà ông Nông Văn Lự	1,00
9	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	1,00
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muồng	1,00
11	Các khu vực còn lại	1,00
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
I	Độc đường Thái Nguyên (QL3)	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất nhà bà Đặng Thị Tiền	1,00
2	Từ giáp đất nhà bà Đặng Thị Tiền đến cầu Nà Kiêng	1,00
3	Từ cầu Nà Kiêng đến cầu Xuất Hóa	1,00
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	1,00
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	1,00
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (Đường đi Na Rì - QL3B)	1,00
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Trường tiểu học đến đầu đập tràn	1,00
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Du	1,00
1.2	Từ giáp đất nhà bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	1,00
2	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	
2.1	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - xã Huyền Tung	1,00
2.2	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
3	Khu vực bên kia suối của 2 tổ: Lũng Hoàn và Đoàn Kết	1,00
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cảnh đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Đường	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	1,00
6	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	1,00
7	Tuyến đường từ cổng làng Thanh Niên văn hoá (tổ Mai Hiên) đến hết đất khu Đôn Hin	1,00
8	Tuyến đường từ cổng làng Thanh Niên văn hoá (tổ Mai Hiên) đến hết đất ông Lương Văn Cập	1,00
9	Khu vực còn lại của tổ Mai Hiên	1,00
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung tổ Bàn Đồn 1 đến cầu ngầm Bản Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung tổ Bàn Đồn 1 đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, Bàn Đồn 1 và khu nhà bà Triệu Thị Quyên	1,00
10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, Bàn Đồn 1 đến cổng Trường THCS Xuất Hóa	1,00
10.3	Từ cổng Trường THCS Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	1,10
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Học sau Trường THCS Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyên	1,10
11	Tuyến đường Nà Bàn - Bản Rạo	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bàn	1,00
11.2	Từ cầu Nà Bàn đến hết đất nhà ông Hứa Văn Hội	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
11.3	Từ hết đất nhà ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bàn Rạo	1,00
11.4	Từ hết đất nhà ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	1,00
11.5	Từ cầu Nà Bàn đến hết đất nhà bà Lê Thị Thiển (Bản Đôn 2)	1,00
12	Khu vực Nà Pên sau lô 1 (Bản Pjạt)	1,00
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn (Bản Pjạt)	1,00
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hoá	1,00
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lũng Hoàn	1,00
15.2	Từ cầu Lũng Hoàn đến đất nhà ông Nông Văn Lô (Bản Rạo)	1,00
16	Các khu vực còn lại	1,00
XÃ DƯƠNG QUANG		
1	Đường Bàn Văn Hoan (Từ cầu Dương Quang đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Chính)	1,00
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pải	1,00
3	Trục đường Nà Pải - Bản Pên	1,00
4	Các khu vực còn lại thôn Nà Õi	1,00
5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Đường Phặc Tràng	1,00
5.2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	
-	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cắt	1,20
-	Các khu vực còn lại	1,00
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	1,00
7	Khu trục đường liên thôn Nà Õi - Quan Nưa	1,00
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pải	1,00
9	Khu đường Nà Cướm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết trường Quân sự tỉnh	1,00
9.2	Từ giáp trường Quân sự tỉnh đến hết khu Nà Cướm	1,00
10	Từ ngã ba cầu Quan Nưa đến hết đất nhà ông Đặng Phúc Tài	1,00
11	Trục đường Bản Cẩu - Bản Trang	1,00
12	Trục đường Quan Nưa - Bản Giềng	1,00
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nưa, Nà Rì	1,00
14	Các khu vực còn lại	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Đường Chiến Thắng Phú Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km 160	1,00
1.2	Đoạn từ Km 160 lên đến ngã ba thôn Khuổi Lặng	1,00
1.3	Từ ngã ba tổ-Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	1,00
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tụng)	1,10
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (Từ trụ sở UBND phường Huyền Tụng cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	1,00
3.2	Từ hết đất nhà ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bàn Cẩu	1,00
3.3	Từ hết đất tổ Bàn Cẩu đến hết đất tổ Chí Lèn	1,00
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	1,00
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bàn Cẩu	1,00
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	1,00
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	1,00
4	Tổ Nà Pam	1,00
5	Tổ Khuổi Hèo	1,00
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp Phường Đức Xuân đến hết tổ Bàn Vèn ngoài	1,00
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bàn Vèn ngoài	1,00
6.3	Từ hết đất tổ Bàn Vèn ngoài đến hết đất tổ Tổng Nềng	1,00
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tổng Nềng	1,00
6.5	Từ hết đất tổ Tổng Nềng đến hết địa giới phường Huyền Tụng	1,00
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pái	1,00
7	Các khu vực còn lại của tổ Bàn Vèn trong	1,00
8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất ông Cao Thịnh Nguy	1,00
8.2	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	1,00
8.3	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	1,00
9	Tổ Xây Dựng	1,00
10	Tổ Nà Pèn	
10.1	Đoạn từ nhà ông Hà Văn Đạo đến giáp đất tổ Pá Danh	1,00
10.2	Các vị trí còn lại tổ Nà Pèn	
-	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cắt	3,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
-	Các vị trí còn lại	1,00
11	Tổ Đơn Tuấn	
11.1	Từ giáp đất phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất nhà ông Cao Việt Thắng	1,00
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đơn Tuấn	1,00
12	Tổ Khuổi Dùm	1,00
13	Tổ Lâm Trường	
13.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Nông Văn Thi	1,00
13.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm Trường	1,00
14	Tổ Giao Lâm	1,00
15	Tổ Nà Pài, tổ Khuổi Lặng	1,00
16	Tổ Khuổi Mật	
16.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới đường Hoàng Văn Thụ là 20m đến hết đất nhà bà Lý Thị Cói)	1,00
16.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	1,00
16.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	1,00
17	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuôm	1,00
18	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	1,00

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

2. Huyện Chợ Mới

a) Đất ở tại đô thị (ODT) và đất ở tại nông thôn (ONT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ODT)	
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường QL3 từ Cầu Ó gà đến hết địa phận thị trấn Chợ Mới	1,00
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (Đầu đường QH 32m đến cuối đường QH 32m)	1,00
2	Từ công trung tâm dạy nghề huyện đi qua chợ đến cửa hàng vật tư nông nghiệp (cách đường QH 32m là 20 m)	1,00
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH 32m (cách lộ giới 20m)	1,00
4	Đường nhánh Tổ 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
5	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m (Bảo hiểm xã hội) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	1,00
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tống Thị Liên đến lộ giới đường QH 32m (Đường nội thị tổ 1)	1,00
7	Đường nội thị Tổ 6	1,00
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luồng (Cách lộ giới QL3 là 20m) đến hết đất thị trấn Chợ Mới	1,00
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH 32m là 20m đến sông Chu (đường nội thị Tổ 2)	1,00
3	Đường vào Trạm Y tế Thị trấn	1,00
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	1,00
5	Đường nhánh tổ 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc Khanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú	1,00
6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	1,00
7	Đường nhánh tổ 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến bờ sông Chu	1,00
8	Đoạn đường nhánh từ Toà án trở vào	1,00
9	Đoạn đường nhánh tổ 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiến đến sông Chu	1,00
10	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	1,00
	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (ONT)	
I	Đối với đất ở tại xã Yên Đĩnh	
1	Đoạn QL3 đi qua địa phận xã Yên Đĩnh	1,05
2	Đường Yên Đĩnh - Bình Văn	
2.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m, từ Chi nhánh điện đến cầu Yên Đĩnh	1,00
2.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất xã Yên Đĩnh	1,00
3	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng NN & PTNT) đến cổng Bệnh viện	1,00
4	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 2m trở lên (Tại khu quy hoạch cũ)	1,00
5	Từ lộ giới QL3 là 20m (Từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	1,00
6	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến cổng sau Bệnh viện	1,00
7	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch Yên Đĩnh	1,00
II	Khu vực các xã	
1	<i>Trục đường QL3 (xã Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hoà Mục)</i>	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
1.1	<i>Xã Thanh Bình:</i>	
-	Từ hết địa giới hành chính xã Yên Định đến giáp đất nhà bà Đinh Thị Rư	1,00
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	1,10
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tám đến hết địa giới xã Thanh Bình	1,00
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (Đất ở dãy 1)	1,00
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (Đất ở các dãy còn lại)	1,00
-	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	1,00
1.2	<i>Xã Nông Thịnh:</i>	
-	Từ giáp đất xã Thanh Bình đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Cồn)	1,00
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Cồn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	1,29
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	1,00
1.3	<i>Xã Nông Hạ:</i>	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ thôn Nà Mây đến hết đất nhà ông Trần Đại Thảo thôn 62	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	1,00
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vận: Từ nhà ông Hà Văn Huân thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sử thôn Cao Thanh	1,00
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thi	1,00
1.4	<i>Xã Cao Kỳ:</i>	
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Huế (Thôn Nà Cà) đến hết đất đội thuế Cao Kỳ	1,00
1.5	<i>Xã Hoà Mục:</i>	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (Cầu Hoà Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	1,00
-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	1,00
-	Từ giáp đất thị xã theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300 m	1,00
1.6	<i>Các vị trí còn lại của Trục QL3 chưa nêu ở trên</i>	1,00
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	1,00
3	Đất ở các xã	
3.1	<i>Xã Yên Cư:</i>	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	1,59

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Đường)	2,32
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất xã Yên Cư	1,00
3.2	<i>Xã Yên Hân:</i>	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến cầu Quan Đế	1,00
-	Từ cầu Quan Đế đến cầu Thôm Châu	1,00
-	Từ cầu Thôm Châu đến cầu Kéo Kít	1,00
3.3	<i>Xã Bình Văn:</i>	
-	Từ công Thôm Lùng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	1,00
3.4	<i>Xã Như Cồ:</i>	
-	Từ đất nhà ông Trịnh Viết Minh (thôn Nà Tào) đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Pắc Dạt)	1,00
3.5	<i>Xã Quảng Chu:</i>	
-	Từ cầu treo đến hết đất nhà ông Lương Văn Lợi (Thôn Đèo Vai)	1,00
3.6	<i>Xã Thanh Vân:</i>	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà ông Hà Văn Hường (thôn Phiêng Khảo)	1,00
3.7	<i>Xã Mai Lạp:</i>	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tổng)	1,00
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tổng) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	1,00
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (Thôn Khau Ràng) sau chợ	1,00
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tổng)	1,00
-	Từ đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	1,00
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huân (thôn Bản Rà)	1,00
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (Thôn Khau Ràng; Đường Pác Cốp - Bản Vá)	1,00
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần Văn Hòa (Thôn Bản Pá; Đường Pàn Pá - Tổng Vụ)	1,00
3.8	<i>Xã Thanh Mai:</i>	
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Tri	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
3.9	<i>Xã Tân Sơn:</i>	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	1,00
3.10	<i>Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)</i>	1,00
4	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	1,00
5	Đất ở nông thôn của các xã	
5.1	Đất ở nông thôn của các xã ở vùng 1	
-	Đất ở nông thôn bám trục đường Quốc lộ 3 mới đi qua địa phận xã Yên Đĩnh, Thanh Bình	3,33
-	Đất ở nông thôn của các xã ở vùng 1 còn lại	1,00
5.2	Đất ở nông thôn của các xã ở vùng 2	1,00
5.3	Đất ở nông thôn của các xã ở vùng 3	
-	Đất ở nông thôn bám trục đường Quốc lộ 3 mới đi qua địa phận xã Quảng Chu	4,00
-	Đất ở nông thôn của các xã ở vùng 3 còn lại	1,00

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

3. Huyện Chợ Đồn

a) Đất ở tại đô thị (ODT) và đất ở tại nông thôn (ONT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ODT)	
I	Tuyến đi Ba Bể (Độc 2 bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, nhà ông Phạm Văn Dịu, nhà ông Lê Quang Thiết đến ngã tư Chi cục thuế	1,60
2	Từ ngã tư Chi cục thuế đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	1,60
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến cổng tiêu nhà ông Đặng Trần Quốc	1,60
4	Từ nhà ông Đặng Trần Quốc đến cổng tràn Tổ 10	1,60
5	Từ sau cổng tràn tổ 10 đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Đoàn (hết đất thị trấn)	1,60
II	Tuyến đi Bắc Kạn (Độc 2 bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến đường rẽ vào Tổ 1 (Tiểu khu Đồng Sơn)	1,60
2	Từ đường rẽ vào Tổ 1 (Tiểu khu Đồng Sơn) đến hết đỉnh đèo Kéo Càng (trạm cấp nước)	1,60

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
3	Từ đỉnh đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	1,60
4	Từ Bưu điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn (ngã ba Bệnh viện)	1,60
III	Tuyển đi Định Hoá	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	1,60
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông Nông Văn Nguyên	1,60
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyên đến hết đất thị trấn Bằng Lũng (cống thoát nước đến đầu đường mới Công ty Khoáng sản)	1,60
IV	Các đường phụ (Đọc 2 bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	1,60
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)	1,60
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quang	1,60
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mỏ nước	1,60
5	Từ đất nhà ông Căn Dương đến hết đất nhà ông La Văn Siu	1,60
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà bà Lương Thị Vân	1,60
7	Tiếp đất nhà bà Lương Thị Vân đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	1,60
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	1,60
9	Từ hết đất Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường mầm non Liên cơ	1,60
10	Từ ngã ba Ban quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	1,60
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hắt	1,60
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1,60
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	1,60
14	Đường từ ngã ba Huyện đội đến nhà Tùng Vàng	1,60
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến cổng Trường mầm non Liên cơ	1,60
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (tổ 11A)	1,60
17	Đường phía nam chợ Bằng Lũng (tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiến Vùng đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	1,60
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 2m	1,60
19	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 2m	1,60
20	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT 254 20m đến trường dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cự	1,60

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
21	Từ ngã ba Kẹm trình đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương thôn Bản Dường II	1,60
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương đến hết đất thị trấn	1,60
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,60
ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (ONT)		
I	Trục đường ĐT 257	
1	Từ cổng chợ và trụ sở UBND xã Đông Viên có khoảng cách 100m đi về 2 phía	1,50
2	Xung quanh trụ sở UBND xã Rã Bàn (cũ) có khoảng cách 100m đi về 2 phía	1,50
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	1,50
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chúc	1,50
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến cổng tràn	1,50
4	Các vị trí khác của đường ĐT 257 chưa nêu ở trên	1,50
II	Trục đường ĐT 254 (qua các xã: Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng, Bằng Lãng, Ngọc Phái, Quảng Bạch, Đông Lạc, Nam Cường)	
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	1,50
2	Trung tâm các chợ xã, trụ sở UBND các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; Từ đường rẽ vào trường THPT Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	1,50
3	Khu tái định cư trường THPT Bình Trung	1,50
4	Trung tâm UBND các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về 2 phía	1,50
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Hoàng Văn Đoàn tổ 10 (Bằng Lũng), ranh giới đất Ngọc Phái đến Khe Tát Ma	1,50
6	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,50
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên thuộc xã Bằng Lãng	1,50
III	Trục đường ĐT 254B (Đi qua các xã: Đông Viên, Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Bình Trung)	
1	Đoạn Chợ Yên Nhuận	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	1,50
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	1,50
2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,50
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang trường PTCS xã Yên Mỹ	1,50
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,50

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
IV	Trục đường ĐT 255B, 255 (Đi qua các xã Ngọc Phái, Yên Thượng, Yên Thịnh)	
1	Từ đường rẽ Ba Bò đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường	1,50
2	Từ Trạm y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bản Cẩu	1,50
3	Từ ngã ba cầu tràn đến hết đất Yên Thịnh (đường vào mỏ chì kềm Chợ Điền)	1,50
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	1,50
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngàm tràn đường rẽ Kéo Nàng	1,50
2	Từ ngàm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	1,50
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bản Bậy xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	1,50
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT 257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT 257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hoà	1,50
2.2	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ân	1,50
2.3	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	1,50
2.4	Trung tâm UBND xã Phương Viên có khoảng cách 100m về 2 phía	1,50
2.5	Từ cổng UBND xã Bằng Phúc đến đường rẽ vườn ươm lâm trường	1,50
2.6	Từ cổng UBND xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào trường Tiểu học xã Bằng Phúc	1,50
2.7	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	1,50
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	1,50
4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	1,50
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sào	1,50
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,50
VII	Các tuyến đường khác	
1	ĐT 254 Bằng Lãng - Phong Huân - Yên Nhuận	1,50
2	ĐT 254 Bình Trung - Phong Huân	1,50
3	ĐT 254 Nghĩa Tá - Phong Huân	1,50
4	ĐT 254 Bằng Lãng - Khu C	1,50
5	ĐT 254 Bằng Lãng lên Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng	1,50
6	ĐT 254 Bằng Lãng đi Bản Nhi sang xã Phong Huân	1,50
7	Đường từ ngã ba Búc Duộng đến Bản Đó	1,50
8	Từ ngã ba ĐT254 đến ngã ba đường đi Búc Duộng	1,50
9	Từ ngã ba Thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	1,50

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
VIII	Đất ở nông thôn còn lại	1,50

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

4. Địa phận huyện Na Rì

a) Đất ở tại đô thị (ODT) và đất ở tại nông thôn (ONT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ODT)	
I	Trục đường từ xã Lương Hạ đi xã Lam Sơn	
1	Từ giáp đất xã Lương Hạ đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	1,40
2	Từ nhà ông Sinh đến hết đất thị trấn (tuyến nhánh)	1,00
3	Từ đầu cầu Hát Deng phía Nam đến đầu cầu Tranh phía Bắc	1,00
4	Từ cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyễn)	1,00
5	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyễn) đến hết đất nhà ông Sơn	1,00
6	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	1,00
7	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Việt	1,00
8	Từ tường rào xây nhà ông Việt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba huyện uỷ) đến đường lên sân vận động Lương Hạ (phía Bắc)	1,00
2	Từ nhà bà Phây qua ngã ba đến công trường Nội trú	1,00
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu Cứng Tà Pin	1,00
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến công xây nhà bà An	1,00
5	Từ công xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	1,00
6	Từ cầu cứng Tà Pin đến đường rẽ đi Động Nàng Tiên, Lương Hạ	1,00
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến công nhà khách huyện	1,00
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	1,00
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	1,00
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất chi nhánh điện đến hết đường nhựa	1,00
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục thuế đến ngã ba đường đi ngầm	1,00
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến công ngã ba nhà ông Linh	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
4	Từ cổng ngã ba nhà ông Linh đến hết đất nhà hợp tổ nhân dân Pàn Châu	1,00
5	Từ giáp đất nhà hợp tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1,00
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ UBND huyện	1,00
7	Từ cổng UBND huyện ra đường nội thị	1,00
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến cổng trường Tiểu học Yên Lạc	1,00
9	Từ cổng trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	1,00
X	Từ đường nội thị vào Bán Pò đến hết đất nhà bà Thiềm	1,00
11	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôm Pục)	1,00
12	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc)	1,00
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam)	1,00
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	
1	Từ lô số 10 đến lô số 19, lô số 30 đến lô số 37, lô số 72 đến lô số 79, lô số 90 đến lô số 94, lô số 100 đến lô số 108	1,00
2	Từ lô số 20 đến lô số 29, lô số 80 đến lô số 89, lô số 109 đến lô số 113	1,00
3	Từ lô số 48 đến lô số 55, lô số 65 đến lô số 71, lô số 119 đến lô số 131	1,00
4	Từ lô số 05 đến lô số 09, lô số 38 đến lô số 47, lô số 56 đến lô số 64, lô số 95 đến lô số 99, lô số 114 đến lô số 118	1,00
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1,00
6	Từ lô số 132 đến lô số 145, và các lô số 57a, 59a, 60a	1,00
V	Các khu vực còn lại	
1	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường >3m	1,00
2	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,00
	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (ONT)	
A	Khu vực giáp ranh với Thị trấn	
I	Xã Lương Hạ	
1	Từ giáp đất nhà ông Lâm đến hết đất nhà ông Túc	1,00
2	Từ giáp đất nhà ông Túc đến đất nhà ông Phiến (Tuyết)	1,25
3	Từ nhà ông Phiến (Tuyết) đến hết đất nhà ông Đoạn	1,50
4	Tiếp giáp đất nhà ông Đoạn đến nhà bà Lương Thị Thử	1,00
5	Từ giáp đất nhà ông Đoạn đến ngã 3 đi Văn Học (tuyến chính)	1,88
6	Từ nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	1,00
7	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cẩm	1,00
8	Từ khe suối nhà ông Cẩm đến Kéo Sliéc hết đất Lương Hạ	1,00
9	Ngã ba đường rẽ đi Văn Học đến đình Kéo Hiền (Nà Khun)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
10	Đỉnh Kéo Hiên đến Khau Trường hết đất Lương Hạ	1,00
11	Ngã ba Khưa Slen đến sân vận động xã Lương Hạ	1,00
12	Từ ngã ba ông Lú qua nhà văn hoá đến cầu treo ông Thành (Nà Hin) xã Lương Hạ và trường Mầm Non Lương Hạ	1,00
13	Ngã ba UBND xã đến sân vận động Lương Hạ	1,00
14	Ngã ba ông Trung đến hết nhà ông Trường (Đồn Tắm)	1,00
15	Đường vào động Nàng Tiên	
15.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng vào Động Nàng Tiên 150m	1,00
15.2	Đoạn từ 150m trở đi đến sân Động Nàng Tiên	1,00
16	Đường Kim Lư - Lương Thành	
16.1	Từ ngã ba đi Động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng (Địa phận xã Lương Hạ)	1,00
16.2	Từ cầu cứng Pác Muồng xã Lương Hạ đến cổng cửa nhà ông Thanh xã Lam Sơn	1,00
17	Đường tránh QL3B đoạn qua xã Lương Hạ	1,00
18	Các trục đường liên thôn còn lại có mặt đường $\leq 3m$	1,00
II	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến QL3B	1,00
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	2,50
3	Từ nhà ông Ích Bản Cháng đến ngã ba đường Lùng Cào	1,00
4	Từ ngã ba đường Lùng Cào đến cổng Pò Sâu (Phiêng Đốc)	1,00
5	Từ cổng Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến cổng Sọ Trào (Phiêng Đốc)	1,00
6	Từ cổng Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	1,00
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôm Thia	2,50
8	Từ ngã ba Pò Khiển đi Khuổi ít đến cổng nương Co Tào	1,00
9	Từ cổng ngã ba công phụ Bệnh viện đi Nà Pài đến giáp QL3b	1,00
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	1,00
III	Xã Lam Sơn	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất Thị trấn đến cầu Cốc Phát	1,00
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pài	1,00
1.3	Từ cầu Tà Pài đến cổng xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	1,00
1.4	Từ cổng xây nhà ông Thành (xưởng cưa) đến Kéo Cặp hết đất xã Lam Sơn	1,00
2	Quốc lộ 279	
2.1	Từ ngã tư Lam Sơn đến km 13 (Lam Sơn đi Lương Thành)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
2.2	Từ km 13 đến hết đất Lam Sơn	1,00
2.3	Từ ngã tư Lam Sơn (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	1,00
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến công đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	1,00
3.2	Tiếp từ cổng nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diềm (Thuộc tuyến Kim Lư - Lương Thành)	1,00
3.3	Tiếp từ cầu Khuổi Diềm đến hết đất Lam Sơn	1,00
3.4	Các trục đường liên thôn trong xã chưa nêu ở trên	1,00
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliéc đến cổng xây nhà ông Thảo	1,00
2	Cổng xây nhà ông Thảo đến cổng Trường Tiểu học	1,00
3	Từ cổng Trường Tiểu học đến cổng thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	1,00
4	Từ cổng Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	1,00
5	Từ cổng trường Tiểu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	1,00
6	Từ ngã ba THCS đến hết Trạm y tế	1,00
7	Từ Trạm y tế đến cổng Nà Lùng (Pò Nim)	1,00
8	Từ cổng Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	1,00
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cẩm)	1,00
10	Từ ngã ba Nà Tâng đến cổng Thôm Bon (đường đi Vũ Loan)	1,00
11	Cổng Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	1,00
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	1,00
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Vũ Loan	1,00
14	Từ Khau Khem đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	1,00
15	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
II	Trung tâm xã Lạng San	
1	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu	1,00
2	Từ ngã ba QL 279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	1,00
3	Từ cầu Khuổi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Lãng Ngâm)	1,00
4	Từ ngã ba QL 279 đi xã Ân Tình đến hết tường rào trường PTCS Lạng San	1,00
5	Từ QL 279 đi Khau Lạ đến gốc Trám	1,00
6	Từ giáp đất Lương Thành đến cầu Khuổi Slúng (Lạng San)	1,00
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Lạng San (đi Lãng Ngâm)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
8	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
III	Trung tâm xã Xuân Dương	
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	1,00
	Khu tái định cư Trung tâm xã Xuân Dương	1,00
2	Từ Cầu.Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	1,00
3	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	1,00
4	Từ ngã ba Nà Dăm đi Nà Trang	1,00
5	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	1,00
IV	Trung tâm xã Cư Lễ	
1	Trục QL 3B	
1.1	Từ cống.bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cư Lễ II	1,00
1.2	Từ cầu Cư Lễ II đến cầu Cư Lễ I	1,00
1.3	Từ Kéo Cặp đến cống Pò Rì (Cư Lễ)	1,00
1.4	Từ cầu Cư Lễ I đến hết địa phận Cư Lễ giáp xã Hữu Thác	1,00
2	Trục QL 279	
2.1	Từ ngã ba QL 3B đến cống Sọ Ngù (đường đi Lạng Sơn)	1,00
2.2	Từ cống Sọ Ngù đến cống cua Vàng Héo	1,00
2.3	Từ cống cua Vàng Héo đến hết đất Cư Lễ giáp Lạng Sơn	1,00
V	Trung tâm xã Hào Nghĩa	
1	Từ địa phận Hào Nghĩa đến cầu Vàng Mười (Hào Nghĩa)	1,00
2	Từ cầu Vàng Mười đến đầu cầu cứng (Hào Nghĩa)	1,00
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Hào Nghĩa	1,00
4	Hai đầu cầu cứng Hào Nghĩa xuống Ngâm	1,00
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến cống dưới nhà ông Cười thôn Nà Chót	1,00
6	Đường liên thôn Nà Liêng, Nà Đầu, Nà Coòng từ nhà bà Len thôn Nà Liêng đến cống dưới nhà ông Kiểm thôn Nà Coòng	1,00
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông Chấn	1,00
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong Huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cư Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	1,00
1.2	Các đường liên xã còn lại	1,00
2	Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã	
2.1	Xã Đồng Xá	
-	Từ nhà ông Thủy đến đập tràn dưới nhà ông Tuấn	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuấn đến đường rẽ lên UBND xã	1,00
-	Từ đường rẽ lên UBND xã đến ngầm dưới nhà ông Đệ	1,00
-	Từ đường rẽ vào UBND xã đến cổng trường học	1,00
2.2	Xã Liêm Thủy	
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	1,00
-	Từ nhà ông Thật (Na Pi) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	1,00
-	Từ đường rẽ lên UBND xã đến trạm hạ thế Khuổi Dân	1,00
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	1,00
2.3	Xã Dương Sơn	
-	Từ cổng cạnh nhà ông Trích đến cầu Lọ Giầu	1,00
-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	1,00
-	Từ cầu Lọ Giầu đến giáp đất Hào Nghĩa	1,00
2.4	Xã Văn Minh	
-	Từ cầu treo Hát Sao đến cổng cạnh nhà ông Hỷ	1,00
-	Từ giáp đất Lam Sơn đến cổng Pác Pio	1,00
2.5	Xã Ân Tình	
-	Từ Bó Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã 3 thôn Nà Dường	1,00
2.6	Xã Văn Học	
-	Từ cầu Nà Bưa đến trạm hạ thế số 01	1,00
-	Từ trạm hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	1,00
2.7	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuổi Trà qua trụ sở UBND xã đến Càng Nộc (Bản Vèn)	1,00
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	1,00
2.8	Xã Vũ Loan	
-	Từ ngầm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	1,00
2.9	Xã Lương Thành	
-	Từ ngã ba QL 279 đến hết đất Lương Thành (đường Lương Thành - Kim Lu)	1,00
-	Từ giáp đất Văn Minh đến rọ kê đá Nà Khon, Lương Thành	1,00
-	Từ rọ kê đá Nà Khon, Lương Thành đến đường rẽ cầu treo (Cửa nhà ông Thăng)	1,00
-	Từ đường rẽ cầu treo (Cửa nhà ông Thăng) đến hết đất Lương Thành giáp xã Lạng San	1,00
2.10	Xã Côn Minh	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
-	Từ ngã ba chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	1,00
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	1,00
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	1,00
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuổi Măng	1,00
-	Từ cầu Khuổi Măng đến cống thủy lợi + 30m (Gần nhà ông Bạo)	1,00
-	Từ cống Thủy lợi + 30m đến cống bi (ao ông Đạo)	1,00
-	Từ cống bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất Chợ Mới	1,00
2.11	Xã Hữu Thác	
-	Từ QL 3B vào đến cống xây Quan Làng	1,00
-	Từ cống xây Quan Làng đến Suối Phai Cốc Lôm	1,00
-	Từ đường rẽ trường PTCS đến hết đất trụ sở UBND xã Hữu Thác	1,00
-	Từ địa phận Hữu Thác giáp Cư Lễ đến giáp xã Hào Nghĩa	1,00
2.12	Xã Quang Phong	
-	Từ QL 3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đồng Xá	1,00
-	Từ địa phận Quang Phong đến cống Nà Lay (Quang Phong)	1,00
-	Từ cống Nà Lay đến cầu Khuổi Can (Quang Phong)	1,00
-	Từ cầu Khuổi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	1,00
2.13	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Lạng San đến cầu Nà Làng	1,00
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hý	1,00
D	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	1,00

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

5. Địa phận huyện Bạch Thông

a) Đất ở tại đô thị (ODT) và đất ở tại nông thôn (ONT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ODT)	
I	Trục đường QL 3	
1	Từ cống Nà Hái (giáp đường vào Bệnh viện đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết đất thị trấn Phủ Thông	1,46
	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư Khuổi Nim	1,40

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
2	Từ cổng Nhà Hái QL3 đoạn từ điện lực Phú Thông vào đến hết Bệnh viện đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
3	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến UBND huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
4	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ cửa hàng xăng dầu - số 32 Phú Thông lên đến hết đất trường mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1,10
5	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phú Thông (km 173- QL3)	1,40
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đường lên đến cổng trường THCS Phú Thông	1,10
II	Trục đường tỉnh lộ 258	
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn Cường đến Cầu đeng	1,20
2	Đường lên Trường PTH Phú Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến cổng Trường THPT Phú Thông	1,10
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1,20
III	Đất ở các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phú Thông	1,00
	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (ONT)	
A	Khu vực các xã	
1	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phú Thông đến cầu Nhà Món (Bám dọc QL3)	1,10
2	Từ cầu Nhà Món đến trạm bảo vệ K98 Quân khu 1 (Bám dọc QL3)	1,10
3	Đoạn tiếp giáp trạm bảo vệ K98 Quân khu 1 đến nhà bia tưởng niệm Đèo Giàng (Bám dọc QL3)	1,00
4	Đoạn từ hết đất nhà bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình- Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	1,00
5	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phú Thông đến cổng qua đường (QL3), nhà ông Hoàng Văn Lý (Bám dọc QL3)	1,10
6	Từ cổng thoát nước đường QL3 nhà ông Hoàng Văn Lý đến cổng Ba Phường (Bám dọc QL3)	1,10
7	Đoạn từ cầu Đeng đến đường rẽ vào thôn Khuổi Lừa xã Phương Linh	1,10
8	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận	1,50
9	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong	1,40
10	Đất ở nông thôn có vị trí bám dọc đường tỉnh lộ 258	1,00
11	Đoạn đường tiếp giáp từ đường trục chính liên xã Hà Vị, Lục Bình, Tú Trĩ, Vi Hương	1,00
12	Từ ngã ba Bưu điện Tú Trĩ ra QL3	1,00
13	Đất xung quanh Chợ trung tâm xã có khoảng cách 100m	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
14	Đất ở trung tâm UBND các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	1,27
15	Các đường trục xã và liên xã còn lại	1,00
16	Đất ở nông thôn còn lại trong huyện	1,00
B	Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	
1	Đoạn từ cổng Ba phường đến đường rẽ nhà máy gạch Tuynel Cẩm Giàng	1,22
2	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu Chợ cũ Cẩm Giàng	1,00
3	Đoạn từ hết đường rẽ vào nhà máy gạch Tuynel đến giáp đường vào xã Hà Vỹ	1,15
	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Cẩm Giàng	2,18
4	Đoạn từ ngã ba đường vào xã Hà Vỹ đến giáp đất thị xã Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	1,15
5	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên cổng trường THCS Cẩm Giàng (Trừ lô 2 khu chợ cũ)	1,00

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

6. Địa phận huyện Ba Bể

a) Đất ở tại đô thị (ODT) và đất ở tại nông thôn (ONT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ODT)	
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm TK3	1,40
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	1,40
3	Từ ngã ba cầu Toòng đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông Mông Văn Thiện	1,40
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	1,40
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bể đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	1,40
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4	1,40
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến hết đất thị trấn (giáp đất Địa Linh)	1,40
8	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến cổng Phja Sen	1,40
9	Từ tiếp cổng Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	1,40
10	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	1,40

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
11	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	1,40
12	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	1,40
13	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến cống Loòng Cại	1,40
14	Từ cống Loòng Cại đến hết đất thị trấn	1,40
15	Từ cống ngang đường QL279 (dưới lâm trường Ba Bể) đến ngã tư TK2	1,40
16	Đường QL279 nối từ TK3 đến cống ngang đường QL279 (dưới lâm trường Ba Bể)	1,40
17	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu 279 (TK2)	1,40
18	Từ đầu cầu 279 (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đồng Minh Sơn TK1	1,40
19	Từ tiếp đất nhà ông Đồng Minh Sơn (TK1) đến hết đất nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11)	1,40
20	Từ giáp nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyệt (TK10)	1,40
21	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyệt (TK10) đến hết đất thị trấn	1,40
II	Các trục đường phụ	
1	Từ tiếp đất Trung tâm y tế đến trường THPT Ba Bể	1,20
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	1,20
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	1,20
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	1,20
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bản Pục)	1,20
6	Từ nhà bà Hà Thị Viêt đến đường QL279 dọc hai bên đường	1,20
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Săm) đến hết đất thị trấn	1,20
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Viêt Thủ TK4	1,20
9	Từ nhà bà Vi Thị Thâm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	1,70
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	1,30
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (ONT)	
	Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm UBND xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn	
I	Đất khu du lịch	
1	Từ tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm - thôn Bản Nản, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường)	1,10
2	Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm đến hết thôn Nà Mầm xã Khang Ninh (dọc hai bên đường ĐT 258)	1,11
3	Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi xã Nam Mẫu	1,40

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
4	Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	1,40
5	Khu vực nhà nghỉ Vườn quốc gia	1,00
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống bến phà (bờ Nam)	1,40
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	1,40
II	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)	
1	Từ tiếp đất thị trấn đến công cạnh nhà bà Chiến thôn Nà Mô, xã Địa Linh	1,00
2	Từ tiếp công cạnh nhà bà Chiến thôn Nà Mô đến ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh	1,00
3	Từ ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh đi về phía Phú Thông (dọc hai bên đường ĐT 258) đến hết đất huyện Ba Bể	1,30
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất xã Cao Trĩ	1,00
5	Đường ĐT 258 đoạn qua thôn Pù Mát	1,00
III	Đường QL279 (dọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Hoàng Văn Thập thôn Bản Mới xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ thôn Nà Ma xã Hà Hiệu	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	1,00
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba Bể (đi thị trấn Nà Phặc)	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thập thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hòn xã Bành Trạch	1,20
5	Từ cầu treo Bản Hòn đến tiếp giáp đất thị trấn	1,00
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chi xã Thượng Giáo đến cầu Kéo Mát xã Cao Trĩ	1,20
7	Từ cầu Kéo Mát xã Cao Trĩ đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	1,00
IV	Đường ĐT 253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bản Mới đến hết đất nhà ông Dương Văn Đô (thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu)	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Dương Văn Đô đến hết đất xã Hà Hiệu	1,00
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Trần Văn Liên (thôn Khuổi Pja, xã Phúc Lộc)	1,00
V	Đường ĐT 258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến công Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	1,00
2	Từ công Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	1,00
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bể	1,00
VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba cầu Toòng)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn thôn Nà Hán (theo đường vào Bản Phục)	1,50
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi Cao Trĩ	1,00
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mắt xã Cao Trĩ	1,00
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê	1,00
VII	Các trục đường khác chưa nêu ở trên	1,00
	Các trục đường khác chưa nêu ở trên tại xã Yên Dương	1,16
VIII	Các khu trung tâm UBND xã, chợ xã, trường học, bưu điện có bán kính 250m	1,10
IX	Đất ở nông thôn còn lại	1,10

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

7. Địa phận huyện Ngân Sơn

a) Đất ở tại đô thị (ODT) và đất ở tại nông thôn (ONT)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ODT)	
I	QL3 (Đi về phía Lãng Ngâm)	
1	Đoạn từ nhà ông Bé Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	1,00
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	1,00
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	1,00
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	1,00
II	QL3 (Đi về phía Vân Tùng)	
1	Từ hết đất ở ông Bé Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn	1,20
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn đến cầu Bản Mạch	1,00
3	Từ cầu Bản Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám đa khoa Nà Phặc	1,20
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	1,00
III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1,20
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	1,00
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duồng - Khuổi Tinh)	1,00
IV	Các vị trí xung quanh Chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	1,00
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn Vùng cao: Cốc Xá, Mây Van, Lũng Lịa, Phjia Trang, Phjia Đẳng, Lũng Nhá	1,14
2	Các thôn vùng thấp còn lại	1,00
	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (ONT)	
A	Xã Lãng Ngâm	
I	Trục (QL3) (Về phía Bạch Thông)	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	
1.1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	1,00
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiến	1,10
1.3	Từ hết đất nhà ông Tiến đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	1,00
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Slam Pác	1,00
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	1,06
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Bản Khét	1,00
6	Từ cầu Bản Khét đến trường học thôn Cùm Nhá	1,00
II	Đi về phía TT Nà Phặc	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất Lãng Ngâm (giáp thị trấn Nà Phặc)	1,17
III	Tuyến QL279	
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà Toòng	1,00
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Toòng đến hết đất Lãng Ngâm	1,06
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tinh	1,70
IV	Xung quanh chợ Lãng Ngâm (khoảng cách là 100m trở lại)	1,00
B	Khu vực xã Vân Tùng	

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
I	Trục QL3 (Đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ cổng Viện Kiểm sát đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành (Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành cũ)	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến cổng trường Tiểu học Vân Tùng	1,00
3	Từ hết trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	2,54
	Các khu vực còn lại	1,43
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lăng Đồn)	1,00
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lăng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	1,00
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất cây xăng đèo gió	1,00
7	Từ hết đất cây xăng đèo gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	1,00
II	Trục QL3 (Đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ cổng Viện Kiểm sát đến hết đất nhà ông Triệu Văn Ni (từ đường rẽ lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni cũ)	1,20
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	1,20
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	1,20
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến trạm truyền hình và trường THPT Ngân Sơn	1,00
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	1,00
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (Khu I)	1,00
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chúc (Lô 69, Khu II)	1,00
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chúc (Lô 69, Khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	1,20
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	1,00
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	1,00
9	Từ đất nhà ông Dương đến cầu Nà Nghè	1,00
10	Từ cầu Nà Nghè đến chân dốc Khưa Cáp	1,00
11	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	1,00
12	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
C	Xã Đức Vân	
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	1,00
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	1,00
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất trường tiểu học xã Đức Vân	1,00
4	Từ 2 bên đường QL3 giáp đất trường tiểu học Đức Vân đến hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	1,00
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT 252)	1,00
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bàn Duôi (giáp xã Bằng Vân)	1,00
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	
1	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	1,00
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá Cốc Lái (từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá Pù Mò cũ)	1,00
3	Từ đường rẽ mỏ đá đến cua Bật Bông	1,20
4	Từ cua Bật Bông đến hết đất Bằng Vân	
4.1	Từ cua Bật Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	1,20
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	1,00
5	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến thôn Bàn Duôi (xã Đức Vân)	1,00
6	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở UBND xã Bằng Vân	1,00
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	
1	Từ đường rẽ khu A, B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	1,00
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bằng Vân	1,00
-3	Xung quanh chợ Bằng Vân (cách 200m)	1,00
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lái	1,00
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chót đến nhà ông Đỗ Văn Vinh	1,00
Đ	Xã Hương Nê	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiến thôn Năm Nâu đến đất nhà bà Long Thị Hương	1,00
2	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quản 2)	1,00
3	Từ nhà ông Dịch Xuân Bồng đến thôn Bàn Cẩu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 3m$)	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quản 2) đến nhà ông Hoàng Văn Tự thôn Nà Nạc 1	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
E	Xã Thuần Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến cây xăng Sáng Thế	1,00
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội bộ xã Thuần Mang	1,00
3	Từ cây xăng Sáng Thế đến nhà ông Bé Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bản Giang (ĐT252)	1,00
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bé Đình Hùng đến cầu Nà Chúa	1,00
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý	1,00
6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tý đến cầu sắt thôn Nà Mu (QL279)	1,00
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (Thôn Khuổi Tục)	1,00
8	Đường Khu Chợ - Bản Bàng đoạn từ đất nhà ông Đinh Thiện Lạng đến nhà ông Đinh Thiện Bình	1,00
9	Đường Khu Chợ - Bản Bàng đoạn từ cầu Bản Bàng đến nhà bà Đinh Thị Xuyên (Thôn Bản Bàng)	1,00
G	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (Gần trụ sở UBND xã và Chợ có khoảng cách 200m)	1,00
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	1,00
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 3m$	1,00
4	Đất ở nông thôn các xã còn lại chưa nêu ở các phần khác	1,00

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

8. Địa phận huyện Pác Nặm

a) Đất ở tại nông thôn

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
I	Đất ở tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đập tràn Bó Lục đến cầu Kha Mu	1,60
2	Từ đập tràn Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	2,08
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	2,67
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	2,71

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Việt đến cổng qua đường cạnh nhà bà Liên	2,40
6	Từ cổng qua đường cạnh nhà bà Liên đến đường trần đi Bằng Thành	1,60
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến cổng phụ trường Tiểu Học Bộc Bó	2,50
8	Từ ngã tư đường đi Nhạn Môn đến đầu đập tràn Nà SLa	4,30
9	Từ đập tràn Nà SLa (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đẳng	2,00
10	Từ đường rẽ lên Khâu Đẳng đến cổng Cốc Lài (Trục đường Bộc Bó - Nhạn Môn)	1,60
11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào khối Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	2,50
12	Từ ngã ba bắt đầu từ cổng qua cổng trụ sở HĐND-UBND huyện đến hết ngã tư chợ	5,73
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Lèo) đến cổng phụ trường Tiểu Học Bộc Bó	2,50
14	Đất ở vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	1,60
15	Đất ở lô 2 khu Dân cư xã Bộc Bó	3,30
16	Từ ngã ba bắt đầu từ cổng, dọc theo tường rào UBND huyện đến hết tường rào Huyện ủy (Đường đi Khâu Vai)	2,50
17	Từ tường rào Huyện ủy đi Khâu Vai đến đường đi Bộc Bó - Cổ Linh	1,60
18	Từ ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	4,56
19	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến cổng trường Nội trú	4,12
20	Từ cổng trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phầy	2,50
21	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phầy đến đập tràn Nậm Mây	
-	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phầy đến nhà bà Hoàng Thị Huệ	1,60
-	Từ nhà bà Hoàng Thị Huệ đến đập tràn Nậm Mây	1,80
22	Đất ở các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực HĐND - UBND huyện	3,00
23	Từ trạm điện đến cầu treo Tả Quang	1,60
24	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau kho bạc, song song đường 27m)	3,00
25	Đường từ Thăm Én đến đầu cầu treo Tả Quang	1,60
II	Đất ở các vị trí khác thuộc trục đường Tỉnh lộ 258B	1,70
	Đất ở các vị trí khác thuộc trục đường Tỉnh lộ 258B thuộc xã Xuân La	1,73
III	Các trục đường liên xã	
1	Đất ở thuộc các trục đường liên xã	
-	Đất ở thuộc các trục đường liên xã	1,00

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất
-	Từ đường tràn đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chân (xã Bộc Bó)	1,50
2	Đất ở xung quanh trụ sở UBND xã (mới, cũ), xung quanh Bưu Điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch.	1,70
IV	Đất ở nông thôn khác	
1	Vùng 1	1,00
2	Vùng 2	1,00
3	Vùng 3	1,00

b) Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị - nông thôn: Hệ số điều chỉnh (K) của hai loại đất này bằng hệ số điều chỉnh (K) của đất ở tại cùng vị trí tương ứng trong bảng giá đất.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Hải